SAFETY JOGGER
PROFESSIONAL



Medium

PAOLA 01

Sneaker da c ổ thấp **cho nàng**

Paola là m ộ t đôi giày th ể thao bằn g da thấp dành cho cô ấ y theo xu hư ớng và cũng đáp ứ n g các tiêu chuẩn nghiêm n g



Những vật liệu cao cấp hơn	hành động da
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
ngoài Đ	Cao su (NBR)
i Loạ	01 / SRC, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-42 / UK 3.0-8.0 / US 5.5-10.5 JPN 21.5-26.5 / KOR 230-270
ng lượng thép	0.303 kg
ản hiểu chu	ASTM F2892:2018 EN ISO 20347:2012



BLK



NAV



FUX



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn sự bắt lửa do tích điện. [illegible] 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



SRC
Đ [illegible] những tính năng [illegible] và giày bảo [illegible] vượt qua cả bài SRA và SRB, chúng được kiểm tra trên cả bề mặt thép và gốm.



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót chân [illegible] hoặc chạy lên cơ thể ng



lường **có** thể **tháo** rờ
Thay miếng lót giày thường xuyên [illegible] lót giày chỉnh hình riêng [illegible] thể thoả



Tay cầm **Oxy / Tay** cầm **SJ**
[illegible] ngoài bằng cao su Oxytraction [illegible] trên cả sàn ướt và SRC (SRA+ SRB).

Công nghiệp **n:**
phục vụ ăn uố ạnh g, Làm sc upẩm m & Dthuộ c v ề y h ọ c

ường: **Môi** t
r ờn môi khô, Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Dgiày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằm phg ápủ hàm hiệg Khôngtrên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **hành** độ n g **da** **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ntấm ớc h ơ	? 0.8		2.5	iờ	mg/cm/g
	Top: h nụ ốc h ơ	? 15		28		mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ó					
	L ớp lót: ntấm ớc h ơ	? 2		55	iờ	mg/cm/g
	lót: h nụ ốc h ơ	? 20		390		mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Ch ố n g mài mòn (khô/ ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**Cao su (NBR)**					
	Ch ố n g trơn trượt ế ngoài (mài mòn)	? 150		65		mm
	a đế ngoài SRA gót chân	? 0.28		0.4		ma sát
	a đế ngoài SRA Phầ t g	? 0.32		0.4		ma sát
	a đế ngoài SRB gót chân	? 0.13		0.17		ma sát
	ộc đế ngoài SRB phầ n g	? 0.18		0.21		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		N/A		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		31		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ g gót chân củ	? 20		30		J

kích thước thép: 38

a chúng tôi Khuyến có thể thay đổi nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#hát** thả					
	V ật l iệu		1.74		kg
	Bao bì		0.10		kg
	ất Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
					4.00 kg CO2/ cặp

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ ờn g q
ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế				
	Product		13%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán